

Số: 73 /2026/QĐST-HNGĐ

Lào Cai, ngày 27 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 172/2026/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2026, giữa:

- Chị **Nguyễn Thị P**, sinh năm: 1994. CCCD số 015194007025 cấp ngày 16-3-2026, nơi cấp: **Bộ C1**

Địa chỉ: **Thôn Q, xã C, tỉnh Lào Cai.**

- Anh **Bàn Văn K**, sinh năm: 1993. CCCD số 015093009243, ngày cấp 23-8-2021, nơi cấp: Cục trưởng **cục C2.**

Địa chỉ: **Thôn Q, xã C, tỉnh Lào Cai.**

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Nguyễn Thị P** và anh **Bàn Văn K.**

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị P** và anh **Bàn Văn K** nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị **Nguyễn Thị P** và anh **Bàn Văn K** có 02 con chung là: **Bàn Thanh C**, sinh ngày 31-8-2012 và **Bàn Thanh T**, sinh ngày 22-02-2021. Ly hôn chị **Nguyễn Thị P** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con. Anh **Bàn Văn K** có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi mỗi con số tiền 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng chẵn*)/01 tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, cấp dưỡng kể từ tháng 06 năm 2026 cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

*Kể từ ngày chị **Nguyễn Thị P** có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung mà anh **Bàn Văn K** chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng anh **Bàn Văn K** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả và lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.*

2.3. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị Phương N** chịu cả án phí dân sự sơ thẩm ly hôn 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0001795 ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Chị **Nguyễn Thị P** đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 2-Lào Cai;
- Phòng THADS khu vực 2-Lào Cai;
- UBND xã Cẩm Nhân, tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đỗ Quỳnh